

Bài 37. Kinh Tăng Chi | Chương Hai pháp | Phẩm Phần Nộ. Phẩm Thứ Mười Bảy | Sư Giác Nguyên giảng 29/3/18

Phẩm Phần Nộ

Sáng nay chúng ta học về một chương rất là đặc biệt. Tại sao chúng tôi nói là đặc biệt? Là bởi vì, tôi nhớ không lầm, nhiều lần và rất nhiều lần tôi nói rằng chúng ta có nhiều cách để tìm hiểu Giáo lý, có nhiều cách để hành trì, tùy theo khuynh hướng tâm lý và nền tảng, cơ sở hay là nền tảng ba-la-mật của mỗi người. Và tùy theo khuynh hướng tâm lý mà chúng ta có nhiều cách tiếp cận và nhận thức Giáo Pháp. Ở đây tôi đang nói là đúng, chứ không nói sai; còn nếu mà nhận thức sai thì nó nhiều lắm.

Người mà tham ái nhiều thì đầu có chánh kiến, cái cách tiếp cận với Phật Pháp nó không giống như người sân nhiều có chánh kiến. Tôi đang nói đến người có chánh kiến và có trí tuệ. Người mà sân nhiều mà có trí tuệ thì họ tiếp cận Phật Pháp theo một hướng khác, cái ngõ khác, một lối khác. Mà người si nhiều, bòn xén nhiều, ganh tị nhiều, thì mỗi một người như vậy, khi mà họ có chánh kiến, họ có đầy đủ ba-la-mật rồi, thì kiểu tu của họ cũng không có giống nhau. Vì sao?

Vì chúng ta có nhiều ngõ để đi vào một khu rừng. Chúng ta có nhiều cách để tiếp cận đại dương. Thí dụ như người ta có thể tìm hiểu đại dương từ trên hư không, tức là hải quân của Mỹ họ có khả năng là họ đi trên máy bay mà họ phát hiện được tàu ngầm bên dưới mặt nước cả mấy trăm mét, xá gì là mấy rặng san hô hoặc là hệ sinh thái ở dưới biển. Đối với họ, chuyện đó bình thường. Họ quan sát từ trên hư không, thậm chí quan sát từ vệ tinh, chứ không hẳn là từ máy bay nữa.

Rồi chúng ta có thể lặn sâu xuống biển để tìm hiểu nó, hoặc là chúng ta dong thuyền trên mặt biển rồi từng bước tìm hiểu nó, thả những trái cầu thám hiểm xuống dưới lòng biển. Như vậy thì chúng ta có ít nhất là ba đường để mà tiếp cận, tìm hiểu, khám phá, khai thác đại dương: một là từ trên hư không, thứ hai là từ mặt nước, và thứ ba là

xuống thẳng dưới đáy nước của biển. Tùy theo điều kiện, tùy theo nhu cầu, tùy theo công trình đó, công việc đó mà chúng ta có nhiều cách tiếp cận đại dương khác nhau.

Trong tâm tư của một người tu hành cũng vậy. Tùy thuộc vào nền tảng ba-la-mật, tùy thuộc vào khuynh hướng tâm lý mà chúng ta có nhiều cách đến với Phật Pháp. Tôi có thể chứng minh như thế này: các vị đọc lại sử của các bậc Thánh mình đi. Các vị thấy ngài Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên có kiểu tiếp cận với Giáo Pháp không giống như ngài Anan. Các vị đó, gọi là chưa xuất gia, chỉ cần nghe một câu kệ là đã chứng Tu-đà-hườn Sơ Quả rồi. Rồi có những vị phải gọi là núi sâu, rừng thẳm, đói khát, gió sương, nhiều năm nhiều tháng, chẳng hạn như ngài Sona Kolivisa, mình mấy máu me rồi mới chịu đắc.

Đó là trên hình thức mình thấy được. Còn ở trong chiều sâu khuất của tâm lý càng rối nữa. Có vị thì họ quan tâm đến đề mục này, có vị thì quan tâm đến đề mục kia. Rồi ngay trong lúc quan tâm đến đề mục đó, giữa hai vị tu tập cùng đề mục mà có khuynh hướng tâm lý khác nhau, thì họ cũng có cách tiếp cận đề mục đó khác nhau.

Có vị họ quán bất tịnh ngay trên thân họ, có người họ quán bất tịnh ngay trên thân người khác, có người họ quán bất tịnh trên một món ăn, có người quán bất tịnh ngay ở trong nhà cầu, có người họ quán bất tịnh ở trên một hàm răng đang cười, có người họ quán bất tịnh ở trên một sợi tóc huyền. Dễ sợ như vậy. Nó có những chênh lệch rất là lớn. Từ đó có những sai biệt trong hành trình nhận thức và hành đạo.

Tùy vào kiểu tu tập ba-la-mật của chúng ta hôm nay mà mai này chúng ta có gặp Phật hay không, hay là chỉ gặp các hàng Thanh Văn đệ tử của Ngài. Rồi khi mà gặp được Phật rồi, chúng ta có cần thiết phải kiêng khem trai tịnh, khổ hạnh trên rừng sâu núi thẳm, hay chỉ một câu nói ngắn của Thế Tôn là để dứt điểm mọi sự. Nhiều và nhiều lắm.

Tôi quay lại nội dung của bài giảng sáng nay. Đó là tôi nói rất là nhiều lần rằng chúng ta có thể đến với Phật Pháp bằng cách nghiên cứu, tìm hiểu, khai thác đề tài Bốn Đế;

khai thác, tìm hiểu, nghiên cứu đề tài Mười hai duyên khởi, 24 duyên hệ; hoặc là chúng ta cũng có thể tìm đến Phật Pháp bằng cách nghiên cứu trực tiếp vào 37 phẩm Bồ-đề; hoặc là chúng ta cũng có thể trực tiếp tìm hiểu Giáo lý thông qua một đề tài nghe rất là kỳ quái, đó là tìm hiểu về các phiền não.

Tôi xin đoan chắc một ngàn phần trăm, cái gì mà 100% là ít lắm, tôi nói lên tới một ngàn luôn, tức là mười lần cái 100%. Tôi xin đoan chắc 1000% rằng nếu các vị tập chú, nghiên cứu thật kỹ cái gọi là phiền não, thí dụ như tam độc là gì, năm triền là gì, mười kiết sử là gì, chỉ chừng ấy thôi, chỉ nghiên cứu kỹ dùm tôi ba cái đó thôi: hoặc là tam độc, hoặc là năm triền, hoặc là mười kiết sử, mà nghiên cứu cho tới nơi tới chốn, thì tôi đoan chắc 1000% là quý vị có thể thấy rõ Ba Tạng ở trong đó, tám muôn bốn ngàn pháp môn trong đó, toàn bộ Phật ngôn ở trong đó! Chỉ có tìm hiểu, phải nói là tới nơi tới chốn về tam độc, về năm triền và mười kiết sử, nói chung là tìm hiểu thuần chuyên về đề tài phiền não thôi.

Các vị có lòng ngờ thì tôi xin chứng minh. Thí dụ như bây giờ mình nói về năm triền cái, tại sao mà chỉ tìm hiểu sâu sắc, rộng rãi, kỹ...

Lường lự, cẩn thận, triệt để về 5 triền mà mình tìm thấy toàn bộ Phật pháp trong đó?

Bây giờ bắt đầu tôi giải thích.

Chuyện thứ nhất, chúng sanh trong ba cõi, bốn loài: dục, sắc, vô sắc; bốn loài là noãn, thai, thấp, hóa. Thì tất cả chúng sanh trong ba cõi, bốn loài, hoặc là năm cõi sáu đường, ngũ thú lục đạo, tùy mình kể, thì chia thành ba cấp.

Một, cấp một: sống chết buồn vui trong năm trần. Mà hề còn buồn vui trong năm trần thì còn có cái thích và ghét ở trong năm trần.

Rồi cái hạng thứ hai cao cấp hơn: chán ghét, tu tập thiên định Sắc giới. Vị này là hẳn được năm triền cái vì đã là được năm dục ái, đó là ái trong sắc, thanh, khí, vị, xúc.

Nhưng mà vị này cũng còn đam mê, thích thú ở trong cái cảnh thiền Sắc giới, tức là cũng thiền, nhưng mà còn cái hình danh sắc tướng.

Cái tầng thứ ba cao nhất mà cũng ít oi chúng sanh nhất, đó là nhằm chán cả cái hình danh sắc tướng. Vị này chỉ còn muốn giữ lại cái tâm thiền thôi, chứ cái gì nó còn liên hệ xa gần, gián tiếp, trực tiếp đối với... vị này cũng không muốn. Chứ đừng có nói là năm dục, coi như là hào quang rồi cung điện lâu đài của cõi Phạm thiên, vị này cũng không muốn nữa. Cho nên vị này được gọi là cái tầng Vô sắc giới.

Năm triền cái

Như vậy thì để đạt đến cái tầng cao nhất của Tam giới, thì chúng ta, chuyện đầu tiên là phải giải quyết dứt điểm năm triền cái.

Năm triền là cái gì?

Năm triền đầu tiên đó là tham dục, cái niềm đam mê trong năm trần vật chất.

Thứ hai là cái sự bất mãn trong năm trần vật chất.

Cái thứ ba là cái cảm giác no nê, lười biếng và buồn ngủ, đó gọi là hôn thụy.

Cái triền thứ tư đó là trạo hối, có nghĩa là ray rứt không yên với những hoài niệm, vọng tưởng về quá khứ, về tương lai.

Rồi cái cuối cùng đó là hoài nghi, có nghĩa là lòng lưỡng lự, phân vân, không có khẳng quyết, không có sự xác tín trong cái con đường mà mình đang hành trì, trong cái đời sống hiện tại của mình.

Cái hoài nghi ở trong năm triền phải hiểu như vậy, chứ ở đây không có nhét cái Tam Bảo vô. Bởi vì chúng ta nhớ rằng có lúc không có Phật ra đời, không có Tam Bảo được biết đến ở đời, thì cũng có người đắc thiền. Mà muốn đắc thiền thì người ta phải dàn xếp năm triền. Mà năm triền cái đó nó có cả hoài nghi, thì hoài nghi ở trong trường hợp này rõ ràng nó không có dính líu gì tới Tam Bảo hết, mà nó chỉ là cái sự

lường lự, sự phân vân, thiếu cái khẳng quyết, thiếu cái sự xác tín ở trong cái đường lối mà mình đang hành trì, trong cái kiểu sống mà mình đang sống. Nhớ cái đó.

Tu tập Bốn Niệm Xứ

Thì như vậy là một cái người tu tập Bốn Niệm Xứ là sao?

Vị ấy thấy rõ mọi thứ ở đời là khổ, dầu đó là dục, sắc hay là vô sắc. Vị tu tập Tuệ Quán thấy rõ mọi thứ là khổ. Và nếu mọi thứ là khổ thì bất cứ một cái niềm đam mê, ghét sợ nào nó cũng nằm quần quanh ở trong cái khổ thôi. Thích cái gì cũng là thích trong khổ, mà ghét cái gì cũng là ghét trong khổ.

Thấy nguyên cái hàm nó đều là phân, thì bây giờ dầu có hoa nở ở trong cái hàm đó cũng là hoa nở trên cái hàm phân. Mà ở đó có một con rắn ở trong đó, thì con rắn đó cũng là con rắn trong cái hàm phân.

Hành giả tu tập Tuệ Quán là thấy như vậy buổi đầu, thì mới có cái cảm giác chán sợ. Rồi lâu ngày, cái lìa bỏ cảm giác chán sợ, vị này đi đến cái giai đoạn cao cấp hơn, có nghĩa là sự hờ hững, lạnh lùng. Nó là nó thôi. Ở đây không có gì để mà thương thích, cũng không có gì để là ghét sợ, mà chỉ có cái sự nhạt nhẽo, vô vị, sự tẻ nhạt lập đi lập lại có chừng ấy thôi.

Và vị ấy thấy ra cái sự vô nghĩa của cái dòng sanh tử. Bây giờ có bao kiếp làm Chuyển luân vương, Đế Thích, Đại Phạm thiên, rồi thì sao? Cũng là sự lặp lại của một cái kiếp đời phù sinh, liên tục thay đổi, vô thường trong từng cái nháy mắt.

Giới, Định, Tuệ và năm triền cái

Như vậy thì mình thấy cái nền tảng của Tuệ học là Định học, mà nền tảng của Định học là sự lìa bỏ năm triền cái. Còn cái Giới học nó là sự hỗ trợ để chúng ta đối phó với năm triền. Nhớ cái này.

Cho nên mình học tất là mình học: Giới năng sinh Định, Định năng sinh Tuệ. Nhưng mà nếu mà chẻ nhỏ ra thì nền tảng của cái Trí Tuệ Minh Sát Niệm Xứ chính là Định, nền tảng của Định chính là cái sự lìa bỏ năm triền, mà Giới học là sự hỗ trợ lìa bỏ năm triền.

Thí dụ như Năm giới nó hỗ trợ cho mình một ít, Bát giới nó hỗ trợ cho mình một ít, nhưng mà cái Tỳ-kheo giới thì nó hỗ trợ gần như là triệt để. Bởi vì một cái vị Tỳ-kheo mà trong sạch, thì coi như là năm triền của vị này được trấn áp, được đè nén ở một cái mức tốt nhất. Phải nhớ cái đó. Chứ không phải là những học giới đó là giữ cho có phước. Không phải. Mà nó có cái giá trị tâm linh rất là lớn.

Tôi nhắc lại, 227 giới Tỳ-kheo không chỉ là để mình tránh tội lỗi đâu, mà nó còn giúp cho mình, hỗ trợ cho mình, gọi là trấn áp năm triền cái. Ai mà có đọc kỹ về Luật Tạng sẽ thấy vì đâu mà tôi nói như vậy. 227 giới nó có một cái tác dụng rất là lớn trong cái chuyện trấn áp năm triền.

Cho nên đây là lý do vì đâu mà gọi là Giới năng sinh Định, là bởi vì khi mà nó giúp mình trấn áp năm triền thì tự nhiên Định nó lên. Nếu mà mình gọi là có ba-la-mật ngon lành, thì mình đặc sơ, nhị, tam, tứ thiền, sắc và vô sắc. Còn nếu mà tệ quá thì ít ra nó cũng hỗ trợ cho mình đặc được cận định, nếu mà Giới luật của mình mà ngon lành, mà cộng với ba-la-mật nữa.

Luôn luôn và luôn luôn tôi phải nhắc tới ba-la-mật, bởi vì mình siêng cho lắm mà không có gạo, không có nước thì lấy gì nấu.

cơm? Siêng cho lắm, khéo cho lắm, có gạo, có nước, mà thiếu cái nồi, cái vật đựng thì lấy gì nấu cơm? Siêng cho lắm, khéo cho lắm, có nồi, có chảo, có gạo, có nước mà không có củi lửa thì lấy gì nấu cơm? Cái ba-la-mật là những cái điều kiện tất yếu phải có.

Như vậy, chỉ riêng cái đề tài năm triền thôi, tôi chỉ làm một vòng mỏng mỏng, nhẹ nhẹ thôi, thì bà con thấy: mình chỉ tìm hiểu thiệt là kỹ về năm triền là mình đã hiểu

hành trình tu chứng. Vì đâu ta có mặt ở đây? Là vì ta cứ thích ghét trong năm dục. Vì cứ thích ghét trong năm dục, ta mới có cái sự bất mãn, ta mới có cái sự lười biếng, mới có buồn ngủ, mới có sự hoang mang, nghi hoặc, mới có sự ray rứt, mới có sự thao thức không cần thiết trong cái đời sống tâm lý của mình.

Đây là lý do vì đâu mà sáng nay tôi phải dành một ít thời gian để lung khởi lạc đề cho cái đề tài gọi là phiền não. Chứ mình đừng có nghĩ đơn giản một cách nghèo nàn, thiếu máu, tật nguyên, là mình đang học cái bài Kinh nói về phiền não thôi, học cho biết. Không phải.

Mà ở đây mình thấy rằng hạnh phúc nó là mặt trái của đau khổ, và đau khổ là mặt trái của hạnh phúc. Phiền não là mặt trái của thiện pháp, và thiện pháp là mặt trái của phiền não. Ta học kỹ thiết là kỹ, đủ sâu, đủ rộng, cẩn thận và nghiêm túc về phiền não, cũng có nghĩa là ta có một cái nhận thức ngon lành về cái gọi là thiện pháp, về cái gọi là đạo nghiệp cần có, cần phát triển, cần huân tu, cần tích lũy. Nhớ nha!

Cho nên là đừng có coi thường mấy cái đề tài này. Cứ thấy trong Kinh nói là nhắc cho một đồng phiền não, rồi mình coi thường, mình nói: “Ô, học cái này làm cái gì!” Không được. Các vị đi hỏi mấy ông bác sĩ, mấy dược sĩ dùm tôi: họ không biết gì về bệnh thì ở đâu mà có thuốc? Ai bào chế thuốc cho mình? Ai là người đứng ra thực hiện các cái liệu pháp chữa trị cho mình? Bác sĩ và dược sĩ mù tịt về bệnh thì lấy cái gì mà chữa cho bệnh nhân?

Phật Pháp cũng vậy. Thế Tôn có nhiều cách để mà hướng dẫn chúng sanh, tùy duyên hóa độ. Có người Ngài gặp họ, Ngài nói toàn là cái đức lành không: “Con ráng tu cái này nè con, con ráng có cho được cái này nè con thì con...” Nhưng có một người khác, Ngài lại nói một kiểu khác: “Con đừng có như vậy, thì con sẽ khá hơn.”

Có những người thì Ngài nói rằng: “Con nên như thế này, con sẽ khá hơn.” Còn có người thì Ngài nói rằng: “Con đừng có như thế này, con sẽ khá hơn.”

Bác sĩ có nhiều kiểu nói với mình lắm. Kiểu một: nên tập thể dục, nên ăn rau cải, nên sống lành mạnh, có dưỡng khí, có năng gió, có vận động. Có những bệnh nhân, bác sĩ quát cho một đồng chữ “nên”. Nhưng mà có những bệnh nhân, bác sĩ nhìn cái lỗ mũi của họ thôi là bác sĩ quát cho một đồng chữ “không nên”. Họ làm cho một đồng luôn: không nên này, không nên kia, không nên nọ, không nên v.v. Rồi có những bác sĩ gặp một loại bệnh nhân đặc biệt, họ xài chữ “nên” thôi.

Thì Phật của chúng ta cũng vậy. Mà nói “Phật chúng ta” thì nó chưa chính xác, mà phải nói là chư Phật ba đời mười phương, Chánh Pháp ba đời mười phương thầy đều có những cái nội dung linh hoạt, sống động, kịp thời, kịp lúc, đúng chỗ như vậy đó quý vị.

Thì có khi chúng ta học về 37 Pháp Bồ-đề: nên có Chánh kiến, Chánh tư duy; nên có Tín, Tấn, Niệm, Định, Tuệ; nên có Trạch giác chi, Cần giác chi, Hỷ giác chi, Tịnh - Định - Xả giác chi. Nhưng có lúc chúng ta phải học ngược lại: không muốn sanh tử, không muốn phiền não nữa thì nên tránh những cái thứ này nè.

Sáng nay, bây giờ bắt đầu mình mới vô Kinh đây, khổ vậy đó. Cứ vô mà giảng thẳng, họ không có một cái background, không có một cái nền, họ không có một bối cảnh tâm lý để họ hiểu là họ đang học cái gì?

Này các Tỷ-kheo, có hai pháp này. Thế nào là hai? Phẫn nộ và hiềm hận, giả dối và não hại, tật đố và xan lẫn...

Bây giờ tôi cùng với các vị đọc cái bản tiếng Phạn cho nó chắc ăn.

Phẫn nộ là cái sự tức tối, chữ kodha là tức tối. Còn cái upanāha ở đây có nghĩa là có cái lòng gọi là hại người...

Ngài kể một loạt, có những cái quý vị nghe nó hơi trùng. Là vì sao? Là vì chỗ này Ngài kể lại hết những cái từ ngữ và khái niệm mà Ngài đã dùng ở tất cả mọi nơi,

Ngài gom chung một cái. Thì mình phải hiểu ngầm trong đó có những cái nó trùng hợp, nó trùng với nhau, trùng lặp với nhau. Cái đó không có gì lạ hết.

Và chỉ cần học kỹ cái phiền não này thôi là mình biết rõ. Tôi liếc tôi nhìn ở đây, tôi thấy nguyên cả cái chân dung của tôi ở đây. Không cần đi họa sĩ, không cần phải đi chụp hình. Tôi chỉ cần nhìn nguyên cái bản liệt kê phiền não là tôi thấy mắt, tai, mũi, lưỡi, họng của tôi nó đầy đủ ở trong cái đó. Có nghĩa là không cần vẽ chân dung, chỉ cần copy cái đoạn Kinh này treo lên tường, thì ai hỏi cái đó là cái gì, mình nói: “Cái đó là cái mặt của tôi đó, và cũng là cái mặt của you!”

Cái đầu tiên là gì? Kodha là sự bất mãn, là sự bức bối. Thứ hai là upanāha, có nghĩa là cái lòng hại người. Cái bất mãn nghĩa là không có thích thôi, thì nó nhẹ. Còn cái mà upanāha, lòng hại người, có nghĩa là hại người hoặc gọi là hủy vật, hại nhân, hủy vật. Có nghĩa là bức quá thì muốn cho cái đó nó biến mất đi, muốn cho cái đó nó thành tro bụi đi...

Đây là những cái phiền não mà thực ra nó là cái diện mạo, cái bản lai diện mục của một kẻ phàm phu. Thứ nhất là cái sự bất mãn, sự nóng giận. Thứ hai là có cái lòng hại người, hủy vật, mình bức quá mình muốn cho cái đó...

biến mất đi, hoặc là muốn cho nó tàn úa, nó héo úa, nó băng hoại, nó phân hủy đi, cho nó đừng có mặt nữa.

Rồi cái tiếp theo đó là makkha, có nghĩa là sự ngoan cố, lì lợm.

Hồi đó tới giờ mình học đạo mà mình không biết cái lì nó có phải là phiền não hay không? Nếu mà có thì nó thuộc về tham, hay là về sân, hay là si?

Thì nó là tổng hợp. Cái lì có lúc là nó có kết hợp cả cái tâm sân trong đó. Nhưng mà cái căn bản của cái lì lợm ở đây là gì? Nó là ái cộng với si. Còn cái tà kiến thuộc về tham.

Nhưng mà có điều đó là người mà tôi gọi là bị bệnh A-tỳ-đàm thì cứ khư khư cái đó. Nhưng mà thật ra là những phiền não thuộc tham và sân không thể hòa tan, trộn lẫn vào nhau, nhưng hoàn toàn có thể gọi là tiếp nối nhau.

Si thì có mặt trong tất cả phiền não. Riêng những phiền não thuộc nhóm tham và phiền não thuộc nhóm sân không thể hòa tan vào nhau, nhưng chúng hoàn toàn có thể tiếp nối nhau. Phiền não thuộc nhóm tham thì nó hòa tan vào nhau được, nhóm sân nó hòa tan vào nhau được. Nhưng mà phiền não thuộc nhóm này không thể hòa tan vào nhóm kia, nhưng chúng hoàn toàn có thể tiếp nối nhau.

Thí dụ như makkha là sự lì lợm, thì cái sự lì lợm này nó thuộc về phiền não tham, nhưng mà nó hoàn toàn có thể được tiếp nối bởi phiền não sân. Có nghĩa là khi mình lì rồi mà ai nhắc mình, mình nổi điên lên, mình rất là khó chịu khi mà ai nói nhắc nhở mình, do cái lì đó.

Cho nên ba cái phiền não nó hỗ trợ, nó nuôi lớn lẫn nhau. Nhớ: makkha là cái sự lì lợm.

Còn cái yugaggāhalakkhaṇo palāso, palāsa đây là cái sự ích kỷ.

Bữa nay mình học kỹ những phiền não. Hồi đó giờ mình chỉ biết là tham, sân, si, ái, mạn, kiến, nghi; mình chỉ biết là thân kiến, hoài nghi, giới cấm thủ, dục ái và sân, dục ái, sắc ái, vô sắc ái, ngã mạn, tà kiến, vô minh. Nhưng mà bữa nay mình lại học thêm những phiền não mà nó rất là gần với mình.

Những phiền não này cũng là tham, sân, si, cũng là 10 triền, cũng là 5 triền cái, nhưng được kể theo Tạng Kinh. Tại sao? Bởi vì kể theo cái kiểu này nó mới gần với tâm tư tình cảm, cái sinh hoạt tâm lý của chúng ta trong đời sống. Nó gần lắm.

Thí dụ như ai mà nghe nói cái lòng hại người, phá hủy một cái, thì mình nghe mình dễ hiểu: “À, ngoan cố, lì lợm, ích kỷ”, mình nghe mình hiểu. Chứ còn nghe nói là tham, sân, si thì nó có vẻ nó trừu tượng, mà nó có vẻ là nó hơi xa cách với cái đời

sống của mình. Mà đằng này mình nghe nói lì lợm, ngoan cố, ích kỷ, mình biết: “À, đây, cái này cũng là phiền não nè.”

Thì cái đầu tiên đó là cái kujjhana, kodha ở đây có nghĩa là sự nóng nảy, bất mãn. Upanāha là cái lòng hại người, phá vật. Cái thứ ba là cái lòng ngoan cố: makkha. Cái thứ tư gọi là palāsa, có nghĩa là sự ích kỷ.

Ngoan cố là sao? Phân biệt cái ngoan cố và cái sự kiên định.

Kiên định là gì? Khi dùng trí tuệ xác định được đây là chánh, đây là tà, đây là cái nên và không nên, thì cho dầu có gió táp mưa sa, phong ba giông tố, thì chúng ta vẫn giữ vững cái nhận thức đó để sống, để hành trì, để nhận thức. Đó gọi là kiên định.

Còn cái lì lợm, ngoan cố là sao? Tức là khư khư chấp giữ, ôm giữ một cái quan điểm mà chưa được trí tuệ soi rọi đến. Trật trúng không thành vấn đề, cứ cái đó là của ta thì ta cứ ôm nó thôi. Đây là chân lý, ngoài ra là tà vậy. Cái đó gọi là lì lợm.

Còn cái gọi là kiên định nó khác. Kiên định có nghĩa là sự vững vàng trong nhận thức sau khi đã được trí tuệ cho phép, kiểm định.

Làm ơn phân biệt hai cái đó. Rất nhiều và rất nhiều người mà có tiếng là Phật tử nhưng mà không có phân biệt được cái này. Cứ cho rằng là: “Xưa giờ tôi đã nghĩ như vậy, bây giờ tôi sửa như vậy là tôi không có lập trường!” Họ nghĩ như vậy đó. Họ thấy nó hay và họ nói nghe cũng hay. Nhưng mà thật ra, về nội dung thật sự, về thực chất, đó là sự ngoan cố, là cái sự lì lợm, là cái hội chứng trâu bò.

Rồi cái sự kiên định lập trường là sao? Có nghĩa là mình có cái lòng xác tín, có cái khả năng khẳng quyết một cái đường lối, một kiểu nhận thức mà đã được trí tuệ kiểm định và cho phép.

Palāsa có nghĩa là ích kỷ, có nghĩa là cứ nghĩ tới mình, không nghĩ tới người khác. Thấy mình mới là quan trọng, còn ngoài ra là coi như là không đáng kể.

Tiếp theo nữa là usūyanalakkhaṇā, tức là ganh tị.

Tôi đã nói không biết là bao nhiêu lần, các vị nhớ dùm tôi cái định nghĩa này: ganh tị là không muốn người khác được gì. Còn bòn xén, đây nói bòn xén có 5, bòn xén, bòn xén là không muốn mình bị mất cái gì. Một cái là người, một cái là mình; một cái được, một cái mất, cho nó dễ nhớ.

Thì ganh tị ở đây là không muốn người khác có cái quả lành, không muốn người khác có được cái nhân lành. Nó có nhiều cách phân tích, mà ở đây ganh tị nó chỉ có hai thôi.

Không muốn người khác có được nhân lành là sao? Thấy người ta tu mình ghét, thấy người ta có đạo hạnh mình ghét, nghe nói người ta có đức chứng này kia mình ghét, cái đó gọi là ghen tị với cái nhân lành của người ta.

Còn ghen tị với quả lành là sao? Thấy người ta đẹp, thấy người ta có tiếng tăm, thấy người ta có nhan sắc, thấy người ta có sức khỏe, thấy người ta được tình cảm, mến thương thì mình khó chịu, thì đó gọi là ganh tị với quả lành của người ta.

Các vị có phân tích kiểu gì đi nữa, thì ganh tị nó chỉ có hai cái đó thôi, tức là ghen ghét với cái nhân lành và quả lành của người khác.

Nhiều Phật tử học không có kỹ, không có biết cái này, hồi đó.

Giờ mình chỉ biết ghen tị là một trong hai thôi. Một là mình thấy người ta hơn mình cái gì đó mình ghét. Nhưng mình phải xé nó ra là trong đó gồm có nhân lành và quả lành.

Có nhiều người họ thấy người khác tạo nhân lành, họ không có bực, bởi vì họ không có đủ trí tuệ, không đủ kiến thức, họ không có thấy cái... mà bận tâm. Nhưng mà họ lại rất là quan tâm đến cái quả lành của người khác. Thí dụ như họ thấy là người này giàu hơn mình, đẹp hơn mình, con cái, hôn nhân, gia đình, cái gì cũng hơn mình hết, họ khó chịu, thì đó gọi là ghen tị với cái quả lành của người ta.

Nhưng ngược lại, có những người họ không quan tâm đến quả lành mà họ quan tâm đến cái nhân lành. Thấy người ta giàu mình không có bực, bởi vì mình cũng đại gia mà. Mình không có ghét cái chuyện giàu của người ta. Người ta đi xe gì mình cũng không quan tâm. Người ta đẹp mình cũng không quan tâm, vì mình cũng đẹp mà. Nhưng mà thấy làm thí chủ dâng y, rồi đội y là mình bực lắm. Rồi mình thấy người ta thỉnh mời mấy vị Tam Tạng về nước, thỉnh mời thiền sư này, thiền sư kia về nước, mình khó chịu. Đó gọi là ghen tị với cái nhân lành của người ta.

Bởi vì nếu có một chút hiểu biết thì mình sẽ thấy rằng cái kẻ này là đang dọn đường để mà kiếp sau ngồi trên đầu của thiên hạ. Mình hiểu tới đó mình nổi điên lên. Đó là ghen tị với cái nhân lành của người khác. Còn cái ghen tị với cái quả lành thì nó phổ biến hơn, tức là thấy người ta được cái này cái kia mình bực.

Còn cái bủn xỉn là gì? Có nghĩa là mình không muốn trao ra cái gì đó thuộc về tinh thần hay vật chất. Bủn xỉn ở trong đạo Phật có nghĩa rất là rộng. Bủn xỉn ở ngoài đời nó chỉ có cái nghĩa là về vật chất thôi, nhưng trong đạo, bủn xỉn ở đây nó gồm có 5 thứ:

1. Bủn xỉn về trú xứ, có nghĩa là mình không có muốn chia sẻ cái không gian sống của mình cho người khác.
2. Bủn xỉn về tài vật, có nghĩa là mình không muốn chia sẻ thức ăn, nước uống, thuốc men gì cho người khác.
3. Bủn xỉn về tiếng tăm, có nghĩa là mình không muốn ai ké mình, dựa hơi mình để được nổi tiếng.
4. Bủn xỉn về đồ chúng, có nghĩa là mình không muốn người của mình thuộc về người khác.
5. Bủn xỉn về Pháp, mình không muốn người khác có cái trí tuệ, có cái hiểu biết giống như mình. Lúc nào mình cũng giữ miếng, giữ nghề lại một miếng, một chút

xíu. Dân nhà võ kêu là giữ miếng, giữ lại một chút.

Nhưng có người họ giữ lại bởi vì họ để phòng thân. Có người họ giữ là vì họ không có cam tâm trao hết cho người khác. Bùn xỉn về Pháp có nghĩa là không có muốn chia sẻ cái biết của mình, cái trí của mình, cái kiến thức của mình, trí văn, trí tư, trí tu của mình cho người khác.

Trường hợp này có nhiều người trong room có lẽ không có ngờ: có ai mà tệ như vậy? Mà tôi xin thưa có. Tôi chỉ kể một chuyện nhỏ nhỏ thôi, cho phép tôi giấu tên, là có một nhân vật trong nước mình đã hoàn tục rồi, rất là giỏi tiếng Pali. Chuyện này xảy ra cách đây 40 năm về trước. Có lẽ là cái vị này mai này nghe cái nhân chứng này, nghe lại biết tôi nói ai.

Cái vị này lúc đó còn là sa di nhỏ, mới tìm đến, đang học tiếng Pali ở trong Vạn Hạnh, gặp cái chỗ khó, vị này mới tìm bậc thầy để hỏi. Thì cái nhân vật lớn này mới hỏi thế này:

“Tôi dịch cho Sư thì không khó, nhưng mà Sư có đi nói với người ta là tôi giúp Sư hay không? Hay là Sư tự nhận là Sư tìm ra, Sư dịch ra, Sư hiểu rồi dịch như vậy? Sư có chịu nhận với người ta là cái này tôi giúp Sư hay không?”

Thì cái câu đó, quý vị trong room có thể có nhiều cách hiểu khác nhau. Nhưng mà tôi chỉ mượn câu chuyện có thật đó để tôi gợi ý cho các vị một điều là đôi khi chúng ta không có sẵn lòng để mà chia sẻ một chút giá trị tinh thần nào đó của mình cho người khác, vì chúng ta không có cam tâm nhìn thấy người khác họ được người khác nể trọng, thương quý. Thì lúc này là bòn xén và ganh tị bỗng dưng gọi là tao ngộ tương phùng, nắm tay nhau gọi là thăm thiết.

Cho nên hai ông bòn xén và ganh tị là một cặp không có rời nhau. Giống như dục ái và sân là một cặp, khổ lạc là một cặp đối lập, hỷ ưu là một cặp, vô tâm vô quý là một cặp, hôn trầm thụy miên là một cặp, và hai cái anh bòn xén và ganh tị là một cặp. Là vì sao?

Là bởi vì cái vị Tu-đà-hườn đã dứt hẳn bỏn xẻn và ganh tị. Hồi đó giờ mình học mình cứ biết Tu-đà-hườn là diệt trừ thân kiến, hoài nghi. Người học A-tỳ-đàm trong nước có nhiều khi quên cái này. Tại sao tôi không kể giới cấm thủ? Là bởi vì giới cấm thủ thật ra nó nằm ở trong cái thân kiến và hoài nghi rồi, cho nên tôi chỉ kể có hai thôi. Và cái cách kể hai này không phải có một mình tôi, mà nhiều và rất nhiều nơi cũng kể gọn như vậy.

Và ít có người Phật tử lưu ý cái chỗ này, là vị Tu-đà-hườn về cái phiền não chính yếu thì gọi là trừ bỏ được thân kiến, hoài nghi, từ đó cũng bỏ luôn giới cấm thủ. Nhưng thật ra vị Tu-đà-hườn còn bỏ rất là nhiều các phiền não khác, như là sự giả dối, ích kỷ rồi ganh tị, bỏn xẻn, vị Tu-đà-hườn không có còn. Học kỹ mới thấy nể các Ngài, nể lắm!

Cho nên ở trong Kinh Đế Thích Sở Vấn, Trường Bộ Kinh, vua Trời hỏi Thế Tôn:

“Bạch Thế Tôn, vì đâu mà muôn loài chúng sanh cứ tương tranh, đấu đá với nhau, đời đời ở trong cái sự mâu thuẫn, không có thể hòa hợp?”

Thì Đức Phật Ngài dạy rằng:

“Do ganh tị và bỏn xẻn, nó khiến cho chúng sanh luôn luôn đấu đá, tương tranh với nhau đời này sang kiếp khác không ngừng nghỉ.”

Lúc thì

Dựa trên cái quan điểm ý thức hệ chính trị, rồi tôn giáo, rồi văn hóa, rồi xã hội, đôi khi chỉ là một cái mối hiềm khích gia tộc, như là gia đình của Romeo và Juliet, các vị thấy không? Thì nhiều khi chỉ là một cái mối gọi là hiềm khích mang tính hận thù gia tộc thôi cũng là một cái cớ để người ta tương tranh đấu đá.

Rồi quan điểm chính trị, chúng ta thấy bên Anh với Tô Cách Lan, Ái Nhĩ Lan, là năm nào Tin Lành với lại Chính Thống giáo rồi Cơ Đốc La Mã nó đấu nhau banh xác, năm nào cũng có. Nhiều và nhiều lắm. Những quan điểm Sunni, rồi Shia, nó đấu đá

với nhau không biết kiếp nào mới hết, đó là những quan điểm tôn giáo. Rồi còn quan điểm chính trị: bên tư bản, bên cộng sản, liên tục và liên tục, đời này sang đời khác.

Thì tất thấy những tương tranh đấu đá ấy nó đều khởi đi từ hai cái phiền não, đó là ganh tị và bòn xén. Đó là Kinh Đế Thích Sở Vấn, Trường Bộ Kinh.

Rồi chưa hết, ở trong Tăng Chi Bộ Kinh, Đức Phật Ngài dạy rằng:

“Sở dĩ nữ nhân không thể thành tựu được những cái thượng pháp như là nam nhân, là bởi vì đa phần nữ nhân rất sâu nặng về bòn xén và ganh tị; đã vậy, trí tuệ có phần kém sút so với nam giới.”

Mở Tăng Chi Bộ Kinh cái phần Ba Pháp, Ngài nói rằng:

“Sở dĩ mà nữ nhân không có thể ngồi vào những vị trí lớn trong tam giới, ba cõi; nữ nhân không thể thành tựu những thượng pháp như nam nhân, vì đa phần nữ nhân là mắc phải ba cái này: một là sâu nặng về bòn xén, sâu nặng về ganh tị, mà đã vậy trí tuệ lại có phần kém sút.”

Vì đâu? Là vì hai cái kia nó cứ ám, làm sao mà trí nào lên nổi. Đang ngồi học Đạo, trí tuệ bưng bưng, chói rục, chói chang nắng hạ, bỗng nhiên có một người bước vào: hình như cái bốp đầm đẹp hơn cái bốp của mình, bèn nổi sân không muốn học nữa. Họ đẹp hơn mình: bèn không muốn học nữa. Thơm hơn mình: không muốn học nữa. Thấy ông giảng sư liếc họ mà quên liếc mình: không muốn học nữa. Rồi cái người đó chỉ cần mà quỳ lên mà tác bạch là xin cúng này, cúng kia, là mình nổi dịch lên, là đẹp luôn, khỏi học luôn!

Ai ăn cơm chùa thăm thía tương chao thì sẽ thấy cái điều này tôi nói không hề thêm bớt. Tức là mấy chị Hai của tôi là thầy ba cõi về cái vấn đề ganh tị và bòn xén. Cho nên là cái phiền não ganh tị và bòn xén nó là một cặp. Hễ mà có Ngưu Lang là phải có Chức Nữ, có Lan là phải có Điệp, rồi có Dũng là phải có Loan, vậy đó.

Man trá và phản trắc

Man trá và phản trắc, tôi xin chống cái chữ phản trắc. Māyā, sātṛheyya, hai cái này nó là một cặp. Māyā, sātṛheyya có nghĩa là dối trá và phỉnh phờ. Dối trá là sao? Sātṛheyya là có lòng dối trá, muốn gạt người.

Māyā là phỉnh phờ, diễn để cho người ta thấy sai sự thật, hướng dẫn suy nghĩ, nhận thức người khác đi theo cái hướng sai lệch mà mình muốn, thì gọi là māyā. Có cái lòng che đậy, khuất lấp là sātṛheyya.

Ở đây mình phải dịch māyā, sātṛheyya là dối trá và lừa đảo, hoặc là dối trá và phỉnh phờ. Ở đây cũng là cái phiền não. Các vị biết rằng, không nhắc thì mình không có ngờ rằng mình có cái đó.

Thí dụ như là mình không có cái ý cao siêu ghê gớm là mong người ta nghĩ mình là Thánh, có người như vậy; nhưng mà cũng mong là người ta nghĩ là mình tốt. Mà phàm phu mình có cái đặc điểm này, đó là luôn sống như phàm nhưng muốn người khác xem mình là Thánh. Thì cái đó gọi là māyā, sātṛheyya.

Mình là tệt hơn vợ thằng Đâu tập 5 nữa, nhưng mà mình mong người khác nghĩ rằng mình có tín, có tấn, có niệm, có định, có tuệ.

Mình làm cái chuyện đó mà không muốn người khác biết, mong người khác nghĩ mình là chính nhân quân tử, mà thật ra mình là Nhạc Bất Quần thứ thiệt, là ngụy quân tử. Trong giang hồ gọi ông là Quân Tử Kiếm, nhưng mà thật ra ông là ngụy quân tử. Ông luyện Tịch tà kiếm phổ, rồi ông bỏ rơi cái bà Ninh Tắc là mẹ ruột của Nhạc Linh San. Mà trước mắt mọi người ân ân ái ái, mà ông âm thầm ra tay, ném đá giấu tay đủ thứ hết. Nhưng mà trong mắt giang hồ thiên hạ thì ông muốn người ta tiếp tục gọi ông là Quân Tử Kiếm.

Thì cái chuyện này là chuyện tào lao, nhưng mà tôi muốn mượn hình ảnh của Nhạc Bất Quần đó để cho quý vị thấy cái māyā, sātṛheyya nó ra làm sao. Thì đó cũng là phiền não.

Thành Phật, chứng Thánh là gì?

Và các vị nhớ dùm cái quan trọng này nữa. Thành Phật là gì? Chứng Thánh là gì?

Thành Phật hay là chứng Thánh, nếu mà giải thích thì nhiều cách lắm. Nhưng trong đó có một cách mà mình đang cần nhắc tới ở đây, đó là thành Phật hay là chứng Thánh, nói cho rõ ràng, đó là thấy ra sự thật.

Thấy ra tất cả sự thật là Chánh Đẳng Chánh Giác. Còn thấy ra một mớ sự thật thì thành Độc Giác, ít hơn một chút. Thấy vừa đủ để không còn phiền não nữa thôi, thì đó gọi là Thinh Văn. Còn mà thấy tất cả mọi thứ ở đời, cái cần hay không cần đều thấy hết, đó là Chánh Đẳng Giác.

Còn Độc Giác là cái cần thiết là bắt buộc phải thấy rồi đó: thấy rõ mọi thứ là khổ, thích cái gì cũng là thích trong khổ, muốn hết khổ đừng thích trong khổ nữa. Ba cái này cộng lại gọi là con đường thoát khổ.

Thì cái biết, cái thấy này là tất cả Độc Giác, Thanh Văn, Toàn Giác đều có hết. Nhưng mà bên cạnh những cái thấy cần thiết này, vị Chánh Đẳng Giác biết luôn bao nhiêu thứ khác, kể cả những cái biết không cần thiết Ngài cũng có. Bởi vậy Ngài mới nói rằng:

“Cái chứng ngộ của Ta nó nhiều như rừng, mà cái điều Ta nói ra thì nó chỉ là một nắm lá trong tay. Tức là Ta chỉ dạy cho các con cái đường ra khỏi rừng thôi, còn trong rừng đó nó có bao nhiêu thứ độc trùng...”

Đi ra thì nói mấy câu là xong rồi. Nhưng mà cái chuyện không cần thiết phải nói cho người đi lạc thì nó nhiều lắm, nó tới một rừng lặn.

Cho nên là muốn chứng Thánh, muốn thành Phật thì cái rõ ràng là thấy ra sự thật. Rồi ba hạng Phật thì cái khả năng thấy khác nhau một chút. Cái số sự thật mà vị Thanh Văn thấy ít hơn của Độc Giác, mà cái số sự thật mà vị Độc Giác thấy ít hơn của Chánh Đẳng Giác. Ít hơn, nhưng mà cái căn bản phải giống nhau. Mà muốn thấy

được sự thật thì ta phải biết yêu sự thật. Anh không có yêu sự thật thì làm sao mà anh có thể thấy ra sự thật?

Các Ngài chán cái chuyện nói không thật, nghĩ không thật và hành động không thật. Còn mình thì sao? Miệng mình nói muốn chứng Thánh, muốn thành Phật, nhưng mà mình rất là sợ sự thật. Sợ bằng kiểu nào? Một là sợ nghe người khác nói thật về chúng ta. Thứ hai là chúng ta cũng ngại nói thật cho người khác về chuyện đời.

Nói như vậy không có nghĩa là mình tu hành là cái gì mình cũng nói tuốt tuột ra. Không phải! Cái gì nó có lợi cho mình, cho người, thì mình mới nói. Nhưng mà cái chuyện mà mình im lặng không phải là vì mình dối, mà chỉ là cần thiết thì mình giấu thôi. Thấy cần thiết giấu thì phải giấu, nhưng mà tuyệt đối không bao giờ dối!

Tu là thấy chuyện cần giấu thì ta giấu, nhưng ta không bao giờ có ý dối. Kẻ mà yêu sự thật, quý sự thật thì mới có hy vọng thấy ra sự thật. Mà chỉ có kẻ thấy ra sự thật thì kẻ ấy mới có thể thành Thánh, mới có thể thành Phật. Nhớ cái này cực kỳ quan trọng.
[00:54:08]

Vô tâm, vô quý

Vô tâm là không biết thẹn. Không biết thẹn nó có hai. Hồi này ganh tị nó có hai, đó là ghen tị với cái nhân lành và ghen tị với cái quả lành của người khác. Thì ở đây cũng vậy, cái vô tâm nó cũng có hai. Có nhiều chỗ kể 5, kể 8, kể 10, nhưng gom gọn lại thì chỉ có 2 mà thôi.

Tâm có nghĩa là thẹn. Biết thẹn khi nghĩ về mình, biết thẹn khi nghĩ về người khác. Nghĩ về người khác là sao? Nghĩ đến cha mẹ của mình, thầy tổ của mình, nghĩ đến đoàn thể mà mình đang có mặt nên ta thấy thẹn. Đó là thẹn vì lấy người làm gốc.

Còn trường hợp thấy thẹn lấy mình làm gốc là bởi vì nghĩ: người như mình mà tại sao mình nói như vậy, làm như vậy, nghĩ như vậy. Đó gọi là thẹn lấy mình làm gốc.

Không biết dựa vào cái gì để mà thẹn trước cái việc ác thì gọi là vô tâm.

Còn vô quý trong Đạo Phật có hai nghĩa: một là abhaya, vô úy, nghĩa tích cực; mà anottappa, vô quý, cái nghĩa tiêu cực.

Có nghĩa là các vị Thánh Tu-đà-hườn trở lên, đối với phiền não thì vị Tu-đà-hườn chỉ còn lại cái phiền não bất xứng đạo thôi. Bất xứng đạo là sao? Là cái phiền não mà không có thể dẫn đến sự sa đạo thì vị đó còn. Còn cái phiền não nào mà có thể dẫn đến, thí dụ như tham mà ở cái cấp độ có thể đưa đi sa đạo, thì vị Tu-đà-hườn không còn nữa.

Còn mình thì sao? Mình thì bây giờ thấy cái mặt hiền khô vậy đó, chứ còn cái tham, cái sân của mình nó hoàn toàn có khả năng...

Vô tà ngoài đời nó kêu là vô si. Nhưng mà cái vô si của ngoài đời nghĩa nó hẹp lắm. Vô si nó chỉ có nghĩa là mình không biết thẹn với những cái chuyện mà xã hội lên án.

Còn cái vô tà ở trong Đạo Phật thì nghĩa nó ghê hơn. Nó ghê hơn là bởi vì nó bao trùm luôn cả những khoảnh khắc bất thiện trong cái suy nghĩ của mình mà mình không biết thẹn với nó, cũng gọi là vô tà. Còn ở ngoài đời, cái chữ vô si nó không có sâu sắc như vậy, mà nó chỉ là không biết thẹn với những cái chuyện bậy bạ, bất xứng mà xã hội, pháp luật lên án, chỉ vậy thôi. Chứ còn những cái suy nghĩ tào lao trong đầu thì nó không được kể vào trong cái vô si. Còn trong Đạo mình, cái chữ vô tà nghĩa nó rộng lắm.

Là hành giả, trong từng khoảnh khắc thấy ra cái gì là bất thiện thì bèn có cái lòng thấy thẹn, thì cái đó gọi là tà. Còn không biết thẹn với từng cái suy nghĩ bất thiện ngẩn ngủi, chớp nhoáng của mình thì cái đó gọi là vô tà.

Thí dụ như bây giờ mình nhìn thấy một cái nhan sắc mà mình bỗng dưng thấy thích, đó là bất thiện, phải biết thấy thẹn với cái đó. Rồi trên mâm ăn, mình phải biết thẹn với một vài cái suy nghĩ gì đó. Trong nhà tắm, trong giường ngủ, trong lúc ngồi lái xe, trong lúc đi phố, trong lúc ăn uống, mua sắm, có một cái suy nghĩ nào thoáng qua

mà mình thấy nó, mình biết nó là tầm bậy thì mình biết thẹn, thì cái đó gọi là tầm. Mà không biết thẹn với những suy nghĩ ấy thì gọi là vô tầm.

Tàm ở đây, cái gốc của nó là có hai. Cái điểm tựa của tàm là: một là nghĩ về mình, hai là nghĩ về người khác, thầy tổ, cha mẹ, đoàn thể mà mình có mặt để mà mình biết thẹn, thì đó gọi là tàm. Còn không biết thẹn gọi là vô tàm.

Còn quý ở đây là sợ. Quý ở đây gồm có bốn:

Một là sợ căn rứt lương tâm.

Hai là sợ tiếng đời dị nghị.

Ba là sợ pháp luật trừng trị.

Và bốn là sợ cái báo ứng ngày sau.

Mình biết nghĩ đến bốn cái này để mà mình e sợ phiền não bất thiện, thì đó được gọi là quý. Còn nếu mà mình không có biết nghĩ đến bốn cái này để mà e sợ thì đó gọi là vô quý.

Hồi nãy tôi nói vô quý trong Đạo Phật có hai chữ: chữ abhaya và chữ anottappa. Chữ abhaya cũng là vô úy. Thí dụ như mình nghe cái chữ Vô-úy Bồ-tát, gọi là tinh thần vô úy, dũng lực, gọi là bi trí dũng của một vị Bồ-tát. Thì cái chữ vô úy đây mình phải hiểu là không biết sợ. Không biết sợ cái gì? Không có sợ gian khó, không có sợ bị...

Máu lệ, không có sợ khó khăn, can đảm dẫn thân trên con đường hành thiện, lánh ác, thì đó gọi là tinh thần vô úy. Ở đây có nghĩa là sự can đảm, can trường.

Còn cái vô quý mà nghĩa tiêu cực là anottappa, có nghĩa là không có biết ngán sợ tội lỗi. Ở trong tự điển tôi thấy đều là một chữ hết: “úy” là sợ, “u” và “y”. Còn ở đây các vị có gởi ý hai chữ bằng nhau thì tùy, nhưng mà riêng tôi, tôi biết “úy” nào cũng là sợ hết đó. Nhưng mà trong đó có chữ “quý” đứng kế chữ “tâm” trong tiếng Hán; trường hợp này nó chỉ mượn âm thôi. Chữ “quý” mà đứng kế chữ “tâm” là sợ. Còn nếu mà

xét trên nghĩa lục thư thì thấy quý thì tâm nào cũng sợ hết đó, thì chữ “quý” mà đứng kế chữ “tâm” thành ra là chữ “úy”, là sợ.

Cái tâm quý này nó sâu sắc ở điểm này: tùy vào cái trình độ tâm linh, tùy vào cái khuynh hướng tâm lý, bản chất tâm thức của mỗi người mà cái tâm quý của mỗi người nó có thể không giống nhau. Có người thì họ thấy rằng làm cái gì bậy bạ mà cụ thể, điển hình thì cái đó mới đáng thẹn, đáng sợ; còn những cái suy nghĩ thoáng qua trong đầu thì có gì đâu, có chút xiu thôi, phạm phu mà, cái đó là chuyện đương nhiên.

Nhưng mà có những người thì lại khác. Khác như vậy: có những người có những cái công phu tu tập của họ, cái Đạo tâm của họ nó sắc sảo hơn, bén nhạy hơn. Thì tôi nhắc lại lần nữa, khi mà cái tâm quý của mình nó càng sắc sảo chừng nào, thì cái thiện tâm mình nó càng nhiều chừng đó. Cái tâm quý của mình nó càng sơ sài chừng nào thì cái phước báu, cái công đức của mình ít hơn chút.

Tâm và quý có hai cấp độ: sắc sảo và sơ sài. Sơ sài có nghĩa là cái gì mà nó lớn chuyện, cụ thể, điển hình thì mình mới biết sợ, biết thẹn, đó gọi là tâm quý sơ sài. Còn cái tâm quý sắc sảo có nghĩa là một suy nghĩ bất thiện thoáng qua cũng đủ làm cho ta có tâm, có quý, thì cái đó được gọi là sắc sảo. Tâm quý có hai: sắc sảo và sơ sài.

Phẩm Thứ Mười Bảy

Nguyên cái phẩm này, bà con xem ở trong Luật Tạng cuốn 1 cũng có thể thấy. Tức là Đức Phật Ngài giải thích, Ngài nói riêng và chư Phật ba đời mười phương nói chung, có nhiều cái lý do để cấm chế Giới Luật. Thông thường thì ta thấy Kinh kể có 10 lý do mà Phật cấm chế Giới Luật, nhưng mà ở đây thì Ngài chỉ kể có hai thôi.

10 là gì? Thí dụ như Ngài cấm chế Giới Luật để mà hạn chế cái sự hoành hành của các vị ác tăng, và hỗ trợ cho những vị chơn Tăng, để duy trì cái niềm tin cho những người đã có niềm tin, và tạo niềm tin cho người chưa có niềm tin đối với Chánh Pháp, và sau cùng là vì cái sự an lạc của người cầu giải thoát. Bởi vì không có Luật

Tạng thì chúng Tăng không thể an ổn tu hành được, cho nên là phải có cái Luật Tạng. Và tiếp theo nữa là để đối phó với phiền não.

Như vậy Luật Tạng, mình thấy sơ sơ là thấy những cái rất là dễ nhớ.

Hôm qua tôi nói với bà con mà tôi kể không có đủ, tức là cái sự khác biệt giữa cái vật chất và Chánh Pháp; tích lũy Chánh Pháp và tích lũy vật chất; hy vọng mong đợi Chánh Pháp và hy vọng mong đợi trong vật chất, thì cái vật chất nó không có thù thắng bằng cái Chánh Pháp. Bởi cái vật chất nó không có bằng cái Pháp thí. Vì sao?

Một là cái vật chất là không thể mang sang đời khác.

Hai nữa là có bao nhiêu cho cũng không đủ, và đương nhiên có hao hụt.

Thứ ba là không hẳn là giúp ta an lạc.

Và cái cuối cùng đó là không thể dẫn đến giải thoát. Cái này hôm qua tôi không kể là bởi vì tôi nghĩ quý vị tự suy ra được từ ba cái điều đầu tiên, cho nên tôi không có kể ra. Mà sau khi tôi tắt máy rồi, tôi mới nhớ cái này mình không nói sợ người ta nghĩ không có ra. Chứ đúng ra đối với riêng tôi thì chỉ có ba điều đầu là đủ rồi.

Tại sao Pháp thí nó là thù thắng hơn cái tài thí? Là bởi vì vật chất so với tinh thần nó có bốn điểm mà tinh thần có mà vật chất không có.

Một là vật chất mình không thể nào mà mình đem qua đời khác.

Thứ hai là cái tài thí, cái khả năng của mình cho người khác nó luôn luôn nằm trong giới hạn. Thí dụ như bây giờ tôi có thuốc men thì tôi chỉ cho người bệnh thôi, tôi có đồ ăn thì tôi chỉ có thể cho người đói thôi, rồi tiền bạc tôi chỉ cho cái người nghèo thôi. Riêng cái Pháp thí thì không. Cái Pháp thí, thứ nhất là tôi có đem chia sẻ cho ba ngàn vũ trụ thì tôi cũng không có bị hao hụt, mất mát gì hết. Cái khả năng cho vô tận. Rồi thêm nữa đó là cái đối tượng mà tôi cho cũng không giới hạn. Cái người đó có thể là người nghèo, có thể là người giàu, người xấu, người đẹp, người già, người trẻ,

có thể là chư Thiên, Phạm thiên, loài bàng sanh, dạ xoa, a-tu-la, ngạ quỷ đều được hết. Nhưng riêng cái tài thí, vật thí thì nó không bằng. Cái đối tượng của nó rất là hạn chế, và nói về số lượng thì nó cũng rất là hạn chế.

Còn cái Pháp thí thì không. Cái đầu tiên, cái giá trị của Chánh Pháp mình có thể mang qua đời khác được. Mình mang và người nghe Pháp của mình họ cũng mang đi được. Thứ hai là cái khả năng mà chia sẻ không có giới hạn, đối tượng mà đón nhận cũng không giới hạn.

Cái thứ ba là cái Pháp chắc chắn là đem lại cái hạnh phúc, cái an lạc cho đương sự, chứ còn cái vật chất thì tôi không chắc lắm. Các vị có ngồi ở trong một cái đồng kim cương, tôi cũng không chắc các vị hạnh phúc, nhưng mà nếu mà tâm tư các vị chìm sâu trong Chánh Pháp thì tôi bảo đảm 3000% là quý vị đang được an lạc.

Rồi cái thứ tư là vật chất nó không có thể dẫn đến

Giải thoát, trong khi đó thì cái đời sống tinh thần nó dẫn được.

Mình quay lại cái nguyên nhân, cái lý do mà chư Phật cấm chế Giới luật, kể cho đủ là có 10: hỗ trợ cho chân Tăng, trấn áp ác Tăng, tà Tăng, tà sư, đem lại niềm tin cho người chưa có niềm tin, và bảo vệ niềm tin của những người đã có niềm tin, hỗ trợ cho cái chuyện tu học của các Tỷ-kheo, nhiều lắm, tất cả là 10 điều. Thì ở đây Ngài chỉ kể có hai, có nghĩa là cấm chế Giới luật là để đối phó với cái ác và hỗ trợ cho cái thiện thôi.

Ở đây có nói: do hai lợi ích này mà Như Lai chế lập Giới bốn cho các đệ tử. Rồi Ngài kể một loạt các cái chuyện, thí dụ như là sở tác cần phải xin lỗi, sở tác cần phải ngưng chức, cho phép biệt trú, bắt làm lại từ đầu. Nguyên cái này tôi xin nói gọn lại: đây là tên gọi các Tăng sự của Tỷ-kheo.

Để đối phó với người ác, hỗ trợ chân Tăng và thiện pháp, nên Phật ban hành Giới luật và các Tăng sự, dù kiết giới sima hay là xử phạt trong Tăng chúng, bổ nhiệm, điều

chuyển sự vụ, công tác. Trong Tạng Luật có cái điều chuyển công tác. Thí dụ như chư Tăng xét thấy trong chư Tăng các Tỷ-kheo có vị nào có khả năng gì đặc biệt thì chư Tăng mới tùy theo khả năng đó mà điều chuyển. Công tác, chữ này nghe kỳ quá, nhưng kẹt phải xài.

Thí dụ như trong chư Tăng đông, tự nhiên cái Phật tử họ tới họ cúng dường, mừng mền, chẵn đặm, tô chén nhiều quá, mà các thầy Tỷ-kheo của mình là cứ là, rồi như vậy đó, kiểu mà mây ngàn hạc nội như vậy thì mừng mền, chẵn đặm mà người ta cúng cho cái chùa này ai coi? Khổ như vậy. Người ta cúng đồ tốt, đồ đắt tiền cho mình, cho chư Tăng dùng, rồi bây giờ có vị nào tới ngủ qua đêm rồi đi mất tiêu, vậy rồi ai coi mấy cái này?

Thế là chư Tăng họ mới để ý coi có vị Tỷ-kheo nào sẵn lòng hy sinh làm cái chuyện mà chăm sóc mấy cái này, rồi biết cái cách gọi là phơi phướng, rồi hâm nóng, giặt giũ, sấy khô, rồi có cái tinh thần trách nhiệm đem cất, rồi chư Tăng nào tới cứ lấy ra cho. Thì chư Tăng đông người thế nào cũng phải có những vị có cái khả năng lạ lùng này, thì mới giao.

Còn bản thân cái vị Tỷ-kheo nào được chư Tăng giao, thì nếu đó là Tỷ-kheo thứ thiệt thì vị đó không phải vì công việc này mà xao lãng cái trách nhiệm đối với Pháp học và Pháp hành của bản thân. Nhớ, tôi đang nói đến Tỷ-kheo Nguyên thủy đó. Cái mô hình Tỷ-kheo lý tưởng của Phật giáo Nguyên thủy là như vậy.

Chư Tăng thấy mình có khả năng trong công việc nào thì chư Tăng bèn giao mình công việc ấy. Tuy nhiên nếu mình là người tu hành thứ thiệt thì chư Tăng giao thì mình phải nhận, chứ mình không nhận thì ai nhào vô làm đây? Mình phải nhận, nhưng mà mình luôn luôn phải sắp xếp thời gian như thế nào đó, điều kiện làm việc như thế nào đó để mà mình không có xao lãng trong Pháp học và Pháp hành.

Tuổi trẻ là 2 phần 3 thời gian là Pháp học, 1 phần 3 là Pháp hành. Tuổi trung niên là 50 thời gian là Pháp học, 50 là cho Pháp hành. Mà tuổi già, là tuổi xế, chớm già, là 2

phần 3 là Hành, mà 1 phần 3 là Học. Nhưng mà cái tuổi cận tử là 100% là Pháp hành.

Thì đây là công thức mà phải nhớ. Tôi nhắc lại: tuổi trẻ là 2/3 là Học, 1/3 là Hành. Tuổi trung niên là mỗi thứ 50. Mà tuổi xế, chớm già, là 2/3 là Thiền, 1/3 là Học. Phải học suốt đời. Nhưng mà tuổi cận tử, tức là biết mình đã sắp đi rồi, thì phải 100%. Đây là công thức của Chú giải Kinh Pháp Cú.

Điều chuyển công tác là vậy đó. Tức là giao thì cứ giao, nhận thì cứ nhận, nhưng mà không quên cái trách nhiệm của mình. Còn ngày hôm nay, đa phần chúng ta thấy hể có trách nhiệm là bắt đầu xao lãng với Pháp học, Pháp hành. Cái điều này là không có nên. Bởi vì nói cho rõ ràng là cái lý tưởng cao nhất của một cái vị Tỷ-kheo đó là nhằm chán sanh tử, lìa bỏ sanh tử. Còn tất cả những gì mà nó ngoài ra hai cái này đều là thứ yếu, đều là cái chuyện phụ hết.

Trong Kinh Pháp Cú, Đức Phật Ngài có dạy rất là rõ cái điều này:

“Này các Tỷ-kheo, cái kẻ phàm phu thiếu trí thích ngồi hàng đầu trong chúng Tăng, và bất cứ một cái thành tựu nào trong trú xứ cũng mong rằng Tăng chúng, cư sĩ mười phương biết rằng việc này do ta làm.”

Trong Kinh Pháp Cú, Phẩm Kẻ Ngủ:

Ưu danh không tương xứng,
Muốn ngồi trước Tỷ-kheo,
Ưu quyền tại tịnh xá,
Muốn mọi người kính lễ.

Mong cả hai Tăng tục,
Nghĩ rằng: chính ta làm,
Trong mọi việc lớn nhỏ,
Phải theo mệnh lệnh ta.

Người ngu nghĩ như vậy,
Dục và mạn tăng trưởng.

Thích ngồi hàng đầu, chứ đây Ngài không nói là kẻ ngồi hàng đầu nha. Như Ngài Xá-lợi-phất, Ngài luôn luôn là Ngài ngồi hàng đầu, nhưng mà Ngài không có thích ngồi.

Cái người Việt Nam mình, nghe thì nghe một nửa, hiểu một phần tư, mà kể lại gấp đôi. Tôi sợ nhất là cái dân tộc tính gọi là trác việt của mình. Cho nên là nhớ cái này: dân mình là nghe thì nghe một nửa, hiểu một phần tư, kể lại gấp đôi, nổ banh xác.

Tôi cũng người Việt. Quan trọng mình coi người ta nói bằng cái tâm tình gì, người ta có ác ý hay không. Thí dụ như mình ở trong nhà mình, mình nghe nói:

“Cái nhà này ta nói gì đâu á, cái nhà dơ mà có thấy ai quét đâu?”

Cái người nói cái đó là phải hiểu rằng họ coi mọi người là người nhà. Chứ nếu mà họ là khách, họ không có mắc gì họ nói hết đó. Thì nếu vì họ coi mọi người là người nhà, họ mới nói câu đó. Chứ còn nếu mà trong nhà có khách, một là họ không nói, hai nữa là họ nói họ cũng bỏ khách ra.

Nhiều khi người ta nói:

“Cái nhà này lạ ta, ăn thì có ăn, bày thì...”

Có bày mà đẹp thì không thấy ai ta?

Nói như vậy không có nghĩa là mình chà đạp, mình chống báng cái người nhà của mình, mà mình đang nói ra một sự thật đau lòng. Một sự thật đau lòng thì sao? Thì dĩ nhiên nó phải chảy máu rồi. Và mình muốn thấy được sự thật là mình phải yêu sự thật, mà mình yêu sự thật thì mình phải chấp nhận sự thật, dầu nó phũ phàng cách mấy!

Thì ở đây là kẻ ngu thích ngồi hàng đầu trong chúng Tăng và luôn luôn muốn người khác ghi nhận cái công tích của mình: “Đấy là do ta làm!” Thì cái đó Ngài gọi là

người ngu, người không có trí. Bởi vì xét cho cùng, xuất gia là bỏ hẳn các mọi nhà, chứ không phải bỏ nhà nhỏ vô nhà lớn. Cái đó là không đúng.

Cho nên khi Ngài cấm chế Giới Luật là Ngài nhắm đến cái chuyện gọi là trấn áp tà tăng, tà sư, mà hỗ trợ cho chân Tăng, cho các vị chân tu, rồi giúp cho cái người chân tu được cái sự an lạc, không có bị uy hiếp bởi cái người tà, người ác. Rồi đồng thời nuôi dưỡng cái niềm tin của cái người chưa có niềm tin, làm phát triển niềm tin của người đã có niềm tin.

Như vậy là 10 cái lợi ích của cái việc mà ban hành Giới Luật và các cái nghi thức Tăng sự nói chung. Nhưng mà ở đây, trong cái đoạn kinh này, Thế Tôn lược bỏ từ 10 xuống còn 2. Thì cái đoạn kinh này sâu lắm chứ không có cạn đâu quý vị, rất là sâu. Sở dĩ chư Phật ba đời mười phương mà cấm chế Giới Luật là vì những cái mục đích như vậy.

Và cái chỗ này tôi muốn nói, thật ra cái chuyện mà đánh răng, tắm rửa, giặt giũ áo quần, quét dọn nhà cửa, là cái chuyện mà một người trưởng thành và được nuôi dạy trong một cái điều kiện ngon lành, là tự họ biết làm, chứ không có cần phải nhắc nhở. Còn cái kẻ nào mà cứ phải bị: “Đánh răng chưa? Quét dùm cái nhà nha! Lấy dùm cái đồng đồ ở trong máy sấy ra nha!” Cái kẻ nào còn bị nhắc là kẻ đó còn có vấn đề, mới để cho người ta nhắc. Chứ cái người mà ngon lành thì không cần phải ai nhắc hết.

Thật ra mà nói, Thế Tôn trong đời hoằng pháp và trụ thế 45 năm của Ngài sau khi thành đạo, 45 năm ấy được kinh chia ra làm ba phần, ba cái thời đoạn:

Một, thời đoạn một gọi là Sơ giác thời, 15 năm đầu, không cần cấm chế Giới Luật.

Hai, Trung giác thời là 15 năm giữa.

Ba, Hậu giác thời là 15 năm cuối.

Ba lần 15 là 45 năm. Thì 30 năm sau trong đời trụ thế của Ngài mới bắt đầu cấm chế Giới Luật. Là vì sao? Là cái thành phần Tăng già đi đến với đạo bằng nhiều lý do

khác nhau. Và khi đến bằng nhiều lý do khác nhau thì bao nhiêu cái rối rắm nó mới xuất hiện.

Chứ còn 15 năm đầu là như pha lê. Tất thấy chúng Tăng đến với Ngài chỉ có hai hạng thôi:

Một là Thánh nhân.

Hai là cầu chứng Thánh nhân.

Có nghĩa là chỉ có một lý tưởng duy nhất là cầu giải thoát, cho nên trong chúng Tăng chỉ có hai hạng thôi.

Ở đây các vị hỏi tôi: “Sư dựa vào đâu mà có cái chữ đó?” Thì tôi xin thưa, đó là các vị lục dùm tôi cái bài Cúng Đường Phân Biệt Kinh, Trung Bộ Kinh, thì trong đó Ngài có nói rõ chuyện này. Ngài có nói rõ rằng cái người đệ tử của Ngài gồm có hai hạng thôi, đó là Thánh nhân và người đang hành trì để trở thành Thánh nhân: Sotāpatti hoặc là Sotāpanna. Thứ hai nữa là Sotāpannapaṭipannaka.

Đây là tôi chỉ kể cái tầng Thánh đầu tiên thôi, chứ còn mấy cái tầng Thánh sau thì cũng y chang như vậy. Có nghĩa là Tu-đà-hườn và cái người đang hành trì để trở thành Tu-đà-hườn, rồi Tư-đà-hàm và cái vị đang tu để trở thành Tư-đà-hàm, rồi cái hạng thứ ba là A-na-hàm và người đang hành trì để trở thành A-na-hàm, rồi hạng cuối cùng là A-la-hán và người đang hành trì để trở thành A-la-hán.

Thì buổi đầu Giáo Pháp của Đức Phật là chỉ có hai hạng: một là Thánh nhân và người đang hành trì để trở thành Thánh nhân. Nhưng từ cái 15 năm giữa cho đến 15 năm cuối, đến khi mà Ngài níp-bàn, thì trong chúng Tăng lại xuất hiện nhiều cái vị xuất gia mà không phải vì mục đích trở thành Thánh nhân. Cho nên dứt khoát là họ chưa là Thánh nhân và họ cũng không phải là đang trên con đường hành trì để trở thành Thánh nhân. Từ đó nó mới ra bao nhiêu chuyện.

Thì tôi mới quay trở lại, Giới Luật chỉ khó giữ khi nào cái bản chất bẩm sinh của anh có vấn đề. Cái câu này rất là gọn, thu gọn lại cái nội dung của bài giảng của cái đoạn kinh này. Đó là Giới Luật, Phật Pháp chỉ khó đối với cái người mà bản tánh bẩm sinh của họ có vấn đề, bởi vì đó là thuốc.

Các vị có biết rằng là tùy vào cái bệnh trạng của mình mà chúng ta xài bao nhiêu cái thứ được liệu, được phẩm. Có kẻ thì ở trong uống, ngoài thoa, rồi vận động cơ thể, rồi đủ thứ dưỡng khí, rồi thức ăn, tùm lum hết. Nhưng có những cái trường hợp, bệnh là người ta chỉ cần uống nước thôi là đủ rồi. Có những chứng bệnh chỉ cần uống nhiều nước. Có những cái chứng bệnh chỉ cần ăn nhiều rau. Có những cái chứng bệnh chỉ cần là mình đi phơi nắng. Có những chứng bệnh là chỉ cần mình đổ mồ hôi, v.v... một phát một là xong. Nhưng có những trường hợp phải là trong uống, ngoài thoa, rồi kiêng khem đủ bề thì mới hết!

Cho nên Giới Luật là chỉ khó đối với người có cái tánh tình bẩm sinh có vấn đề, chứ không phải Phật Pháp! Có cái người mà bản tánh bẩm sinh có vấn đề, thí dụ như bây giờ Phật cấm không có giữ y dư. Nếu mà đúng là cái người cầu đạo giải thoát, họ sợ mang xách, gồng gánh lắm. Họ sợ phải là có chỗ cất giữ, rồi sợ chuột, sợ gián, sợ mối, sợ kiến, v.v... Nhưng mà có những người họ thấy hình như là cái phiền đó nó không.

Có đáng kể bằng là không có nhiều đồ. Họ thấy ít đồ là phiền hơn là phải cực khổ với cái chuyện bảo quản.

Rồi Ngài cấm không có giữ vàng bạc, quý kim, bảo thạch; không có qua đêm những chỗ khả nghi; không qua lại những đối tượng khả nghi, v.v. Tất cả những cái này, đối với một người mà chân tâm, chân thành, dốc lòng cầu giải thoát thì khỏi cấm, tự họ thấy cái đó là có hại. Còn với một người mà bản tánh bẩm sinh có vấn đề thì tự nhiên Giới nào cũng khó hết.

Ở đây có một người nói, tôi không đồng ý cách nói này, mà tôi phải quay trở lại là tùy người. Tôi phải nhấn mạnh tùy người, chứ đừng có đem mấy cái con số mấy trăm ra nhát ma người ta. Có biết bao nhiêu người, cái số mấy trăm này chẳng là gì hết. Là vì sao? Là vì bản thân họ, họ không có những cái nhu cầu để mà phạm giới. Tôi phải nói không có nhu cầu.

Thí dụ như đối với riêng tôi, tôi phải nói với các vị là có những cái nhu cầu sau đây rất dễ khiến cho một vị Sư bị sa đà: đó là về vật chất, tiền bạc, nhà đất, sở hữu; thứ hai là về vấn đề tình cảm đối với người khác phái. Khi mà hai cái này mà nó còn là cái vấn đề để mà mình trăn trở, ray rứt, thì Giới nào cũng khó hết.

Còn khi mà đối với tình cảm, đối với vật chất mà mình không có nặng lòng thì Giới nào cũng là con số zéro hết, dễ ẹc! Tôi phải nói là dễ ẹc, đã dễ mà còn thêm chữ “ẹc” nữa. Nhưng mà nếu mà đối với vật chất, đối với tình cảm mà ta có vấn đề thì tôi nói ba Giới cũng đủ le lười rồi, quý vị!

Không cần phải học nhiều, mà có cái là nghe có được nhiều và hiểu được nhiều, nhớ được nhiều hay không? Chứ còn mà nói cho nhiều mà không hiểu, không có nhớ, cũng vậy thôi!